

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
Học kỳ 2 - Năm học: 2022-2023

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của chính phủ ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21/3/2022 về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022.

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP			Ký Nhận	Ghi chú
					Số tháng	Định mức	Thành tiền		
					4	5	6= 4x5		
1	Nguyễn Đình phong	1/1	Hộ nghèo	26884050114 HN	5	150.000	750.000		
2	Hồ Hoàng Huy	1/3	Hộ nghèo	26884060366 HN	5	150.000	750.000		
3	Huỳnh Trung Hiếu	2/1	Hộ nghèo	26884060366 HN	5	150.000	750.000		
4	Nguyễn Ngọc Thảo	2/1	Hộ nghèo	26884050125 HN	5	150.000	750.000		
5	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	2/2	Hộ nghèo	26884110381 HN	5	150.000	750.000		
6	Nguyễn Đăng Khánh	2/3	Hộ nghèo	26884050114 HN	5	150.000	750.000		
7	Phan Ngọc Trúc	2/11	Hộ nghèo	26884070370 HN	5	150.000	750.000		
8	Huỳnh Ngọc Anh Tuấn	3/1	Hộ nghèo	26884120231 HN	5	150.000	750.000		
9	Đặng Mỹ Diễm	3/2	Hộ nghèo	26884120244HN	5	150.000	750.000		
10	Mai Nguyễn Khánh An	4/2	Hộ nghèo	26884070166 HN	5	150.000	750.000		
11	Nguyễn phạm Xuân Hoài	4/2	Hộ nghèo	26884040305HN	5	150.000	750.000		
12	Lưu Gia Linh	4/2	Hộ nghèo	26884120388 HN	5	150.000	750.000		
13	Nguyễn Duy Khang	4/4	Hộ nghèo	26884020052 HN	5	150.000	750.000		
14	Ngô Lương Thanh Trang	4/4	Hộ nghèo	26884120232 HN	5	150.000	750.000		
15	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	4/4	Hộ nghèo	26884110381 HN	5	150.000	750.000		
16	Lương Thị Thanh Thảo	5/1	Hộ nghèo	26884120232 HN	5	150.000	750.000		
17	Võ Thành Tiến	5/3	Hộ nghèo	26884070328 HN	5	150.000	750.000		
18	Trịnh Hoàng Long	5/3	Hộ nghèo	26884020321 HN	5	150.000	750.000		
19	Nguyễn Duy Tâm	5/3	Hộ nghèo	26884020052 HN	5	150.000	750.000		
20	Trương Thị Kim Xuyên	5/4	Hộ nghèo	26884050354 HN	5	150.000	750.000		
21	Vi Ngọc Hoàng Kim	1/1	Khuyết tật	26884000069	5	150.000	750.000		
22	Lương Phúc Thiên	1/1	Khuyết tật	26884000097	5	150.000	750.000		
23	Nguyễn Đức Thiên Phúc	1/4	Khuyết tật	26884000101	5	150.000	750.000		
24	Nguyễn Quang Uy	1/4	Khuyết tật	26884000096	8	150.000	1.200.000		
25	Nguyễn Tấn Đạt	2/2	Khuyết tật	26884000032	9	150.000	1.350.000		

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo ND 81/2021/NĐ-CP			Ký Nhận	Ghi chú
					Số tháng	Định mức	Thành tiền		
					4	5	6= 4x5		
26	Đoàn Thị Thanh Bình	2/7	Khuyết tật	267640073	6	150.000	900.000		
27	Huỳnh Nguyễn Minh Khang	2/8	Khuyết tật	26884000113	6	150.000	900.000		
28	Võ Minh Đức	2/8	Khuyết tật	26884000046	5	150.000	750.000		
29	Trần Thiên Ân	3/1	Khuyết tật	26884000095	5	150.000	750.000		
30	Đỗ Gia Linh Trân	3/2	Khuyết tật	26884000038	5	150.000	750.000		
31	Trần Hương Quỳnh Mai	3/5	Khuyết tật	26884000086	5	150.000	750.000		
32	Nguyễn Hoàng Xuân Hương	3/9	Khuyết tật	26884000062	5	150.000	750.000		
33	Ngô Kim Phát	4/1	Khuyết tật	084104/GV/04	5	150.000	750.000		
34	Phạm Quang Minh Khôi	4/1	Khuyết tật	26884000102	5	150.000	750.000		
35	Phan Hoàng Khả Hân	4/3	Khuyết tật	26884000035	5	150.000	750.000		
36	Lê Anh Tuấn	4/3	Khuyết tật	26884000001	5	150.000	750.000		
37	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	4/5	Khuyết tật	08/HCM/GV/510	5	150.000	750.000		
38	Trần Thiện Linh	4/5	Khuyết tật	2688400046	5	150.000	750.000		
39	Trần Hạo Nam	4/6	Khuyết tật	26884000048	5	150.000	750.000		
40	Lê Võ Bảo Hân	4/12	Khuyết tật	08/HCM/GV/460	5	150.000	750.000		
41	Nguyễn Kỳ Phong	5/1	Khuyết tật	08/HCM/GV/447	5	150.000	750.000		
42	Phan Minh Khang	5/3	Khuyết tật	08/HCM/GV/488	5	150.000	750.000		
43	Hà Minh Việt	5/3	Khuyết tật	08/HCM/GV/22	5	150.000	750.000		
	Tổng cộng						33.600.000		

Số tiền bằng chữ: Ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng.

Gò Vấp, ngày 29 tháng 09 năm 2023

Kế toán

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thuý

Phạm Thị Nam Hồng

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
Học kỳ 1 - Năm học: 2022-2023

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của chính phủ ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

- Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21/3/2022 về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022.

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP			Ký nhận	Ghi chú
					Số tháng	Định mức	Thành tiền		
					4	5	6= 4x5		
1	Nguyễn Đình phong	1/1	Hộ nghèo	26884050114 HN	4	150.000	600.000		
2	Hồ Hoàng Duy	1/1	Hộ nghèo	26884060366 HN	4	150.000	600.000		
3	Huỳnh Trung Hiếu	2/1	Hộ nghèo	26884060366 HN	4	150.000	600.000		
4	Nguyễn Ngọc Thảo	2/1	Hộ nghèo	26884050125 HN	4	150.000	600.000		
5	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	2/2	Hộ nghèo	26884110381 HN	4	150.000	600.000		
6	Nguyễn Đăng Khánh	2/3	Hộ nghèo	26884050114 HN	4	150.000	600.000		
7	Phan Ngọc Trúc	2/11	Hộ nghèo	26884070370 HN	4	150.000	600.000		
8	Huỳnh Ngọc Anh Tuấn	3/1	Hộ nghèo	26884120231 HN	4	150.000	600.000		
9	Lê Minh Nhân	3/1	Hộ nghèo	26884170400HN	4	150.000	600.000		
10	Mai Nguyễn Phương Thảo	3/2	Hộ nghèo	26884060365 HN	4	150.000	600.000		
11	Đặng Mỹ Diễm	3/2	Hộ nghèo	26884120244HN	4	150.000	600.000		
12	Bùi Bảo Hân	3/3	Hộ nghèo	26884050106 HN	4	150.000	600.000		
13	Lưu Gia Linh	4/2	Hộ nghèo	26884120388 HN	4	150.000	600.000		
14	Hoàng Thiện	4/3	Hộ nghèo	26884050106 HN	4	150.000	600.000		
15	Nguyễn Duy Khang	4/4	Hộ nghèo	26884020052 HN	4	150.000	600.000		
16	Ngô Thanh Trang	4/4	Hộ nghèo	26884120232 HN	4	150.000	600.000		
17	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	4/4	Hộ nghèo	26884110381 HN	4	150.000	600.000		
18	Lương Thị Thanh Thảo	5/1	Hộ nghèo	26884120232 HN	4	150.000	600.000		
19	Võ Thành Tiến	5/3	Hộ nghèo	26884070328 HN	4	150.000	600.000		
20	Trịnh Hoàng Long	5/3	Hộ nghèo	26884020321 HN	4	150.000	600.000		
21	Nguyễn Duy Tâm	5/3	Hộ nghèo	26884020052 HN	4	150.000	600.000		
22	Trương Thị Kim Xuyên	5/4	Hộ nghèo	26884050354 HN	4	150.000	600.000		
23	Vi Ngọc Hoàng Kim	1/1	Khuyết tật	26884000069	4	150.000	600.000		
24	Lương Phúc Thiện	1/1	Khuyết tật	26884000097	2	150.000	300.000		
25	Nguyễn Đức Thiên Phúc	1/4	Khuyết tật	26884000101	2	150.000	300.000		
26	Võ Minh Đức	2/8	Khuyết tật	26884000046	4	150.000	600.000		

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo ND 81/2021/NĐ-CP			Ký nhận	Ghi chú
					Số tháng	Định mức	Thành tiền		
					4	5	6= 4x5		
27	Trần Thiên Ân	3/1	Khuyết tật	26884000095	2	150.000	300.000		
28	Đỗ Gia Linh Trân	3/2	Khuyết tật	26884000038	4	150.000	600.000		
29	Trần Hương Quỳnh Mai	3/5	Khuyết tật	26884000086	4	150.000	600.000		
30	Nguyễn Hoàng Xuân Hương	3/9	Khuyết tật	26884000062	4	150.000	600.000		
31	Ngô Kim Phát	4/1	Khuyết tật	084104/GV/04	4	150.000	600.000		
32	Phạm Quang Minh Khôi	4/1	Khuyết tật	26884000102	2	150.000	300.000		
33	Phan Hoàng Khả Hân	4/3	Khuyết tật	26884000035	4	150.000	600.000		
34	Lê Anh Tuấn	4/3	Khuyết tật	26884000001	4	150.000	600.000		
35	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	4/5	Khuyết tật	08/HCM/GV/510	4	150.000	600.000		
36	Trần Thiện Linh	4/5	Khuyết tật	2688400046	4	150.000	600.000		
37	Trần Hạo Nam	4/6	Khuyết tật	26884000048	4	150.000	600.000		
38	Lê Võ Bảo Hân	4/12	Khuyết tật	08/HCM/GV/460	4	150.000	600.000		
39	Nguyễn Kỳ Phong	5/1	Khuyết tật	08/HCM/GV/447	4	150.000	600.000		
40	Phan Minh Khang	5/3	Khuyết tật	08/HCM/GV/488	4	150.000	600.000		
41	Hà Minh Việt	5/3	Khuyết tật	08/HCM/GV/22	4	150.000	600.000		
	Tổng cộng					6.150.000	23.400.000		

Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng.

Gò Vấp, ngày 29 tháng 09 năm 2023

Kế toán

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thuý

Phạm Thị Nam Hồng

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN TIỀN BƯỚC 2
Học kỳ 1 - Năm học: 2022-2023

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của chính phủ ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

- Công văn số 5846/UBND-VX ngày 27/12/2018 của UBND Tp.HCM về việc chấp thuận mức cấp bù tiền tổ chức học buổi 2/ngày từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021.

- Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21/3/2022 về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022.

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP			Ký Nhận
					Số tháng	Định mức	Thành tiền	
					4	5	6= 4x5	
1	Phan Ngọc Trúc	2/11	Hộ nghèo	26884070370 HN	4	70.000	280.000	
	Tổng cộng					70.000	280.000	

Số tiền bằng chữ: Hai trăm tám mươi ngàn đồng.

Gò Vấp, ngày 03 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thuý

Phạm Thị Nam Hồng

Ghi chú

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN TIỀN BUỔI 2
Học kỳ 2 - Năm học: 2022-2023

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của chính phủ ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Công văn số 5846/UBND-VX ngày 27/12/2018 của UBND Tp.HCM về việc chấp thuận mức cấp bù tiền tổ chức học buổi 2/ngày từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021.

- Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21/3/2022 về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022.

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mã số	Mức hỗ trợ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP			Ký Nhận	Ghi chú
					Số tháng	Định mức	Thành tiền		
					4	5	6= 4x5		
1	Phan Ngọc Trúc	2/11	Hộ nghèo	26884070370 HN	5	70.000	350.000		
	Tổng cộng					70.000	350.000		

Số tiền bằng chữ: Ba trăm năm mươi ngàn đồng

Gò Vấp, ngày 03 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thuý

Phạm Thị Nam Hồng